

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI**



**BẢN MÔ TẢ**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - HÌNH THỨC CHÍNH QUY**  
**NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH**

**Hà Nội, năm 2024**

## MỤC LỤC

PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	1
1.1. Giới thiệu chương trình .....	1
1.2. Thông tin chung về chương trình .....	1
1.3. Mục tiêu của chương trình đào tạo .....	1
1.3.1. Mục tiêu chung: .....	1
1.3.2. Mục tiêu cụ thể: .....	2
1.4. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và phương thức tuyển sinh .....	3
1.4.1 Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo .....	3
1.4.2 Phương thức tuyển sinh .....	3
PHẦN 2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	4
2.1. Nội dung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....	4
2.2. Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo .....	6
2.3. Vị trí việc làm mà sinh viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp .....	6
2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp .....	7
PHẦN 3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....	8
3.1. Tóm tắt yêu cầu của chương trình đào tạo .....	8
3.2. Ma trận đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT và các khối kiến thức .....	8
3.3. Khung chương trình đào tạo .....	9
3.4. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được chuẩn đầu ra chương trình đào tạo .....	12
3.5. Sơ đồ chương trình dạy học.....	17
3.6. Mô tả nội dung theo các khối kiến thức .....	18
3.7. Phương pháp giảng dạy .....	19
3.8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập.....	19
3.9. Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ .....	20
3.10. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu .....	20
3.11. Hướng dẫn thực hiện chương trình.....	20
3.12. Chương trình trong và ngoài nước đã tham khảo để xây dựng chương trình .....	20

## **PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1.1. Giới thiệu chương trình**

Chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành được thiết kế trên cơ sở tuân thủ các quy định, hướng dẫn của Bộ giáo dục và Đào tạo, của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

Chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành được thiết kế theo hướng tiếp cận năng lực, đào tạo theo hướng kết hợp lý thuyết và thực hành phù hợp với định hướng phát triển kinh tế, xã hội, nhằm đào tạo sinh viên toàn diện cả về kiến thức chuyên môn, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. Sinh viên sau khi tốt nghiệp đáp ứng được các yêu cầu về kiến thức, trình độ năng lực chuyên môn của nhà tuyển dụng và xã hội.

### **1.2. Thông tin chung về chương trình**

- Tên ngành đào tạo:

- Tiếng Việt: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Tiếng Anh: Tourism and travel services management

- Mã số ngành đào tạo: 7810103

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Hình thức đào tạo: Chính quy

- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

- Thời gian đào tạo: 4.0 năm

- Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo: 122 tín chỉ

- Tên văn bằng tốt nghiệp:

- Tiếng Việt: Cử nhân quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
- Tiếng Anh: Bachelor of Tourism and travel services management

- Đơn vị quản lý chương trình đào tạo: Khoa Kinh tế

- Thời gian rà soát, điều chỉnh chương trình gần nhất: Năm 2022

- Áp dụng từ năm và khóa tuyển sinh: Năm 2024, khóa ĐH14

- Thông tin kiểm định chất lượng chương trình đào tạo: Năm 2021 Khoa Kinh tế đã thực hiện đánh giá ngoài CTĐT ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, kết quả đã được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học quốc gia Hà Nội cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng vào tháng 3/2022.

### **1.3. Mục tiêu của chương trình đào tạo**

#### **1.3.1. Mục tiêu chung:**

Đào tạo nguồn nhân lực quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành phát triển toàn diện theo định hướng ứng dụng, có sức khỏe, phẩm chất chính trị, đạo đức, tự chủ và trách nhiệm, có ý thức phục vụ nhân dân, bảo đảm quốc phòng an ninh; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế. Sinh viên sau khi tốt nghiệp sẽ có năng lực thực hành nghề nghiệp, có khả năng sáng tạo, khởi nghiệp và phát triển kỹ năng cá nhân trong lĩnh vực du lịch và hội nhập toàn cầu.

### **1.3.2. Mục tiêu cụ thể:**

- PO1: Có kiến thức về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, công nghệ, chính trị, pháp luật, quốc phòng an ninh và khả năng tư duy về các vấn đề đương đại phù hợp với khối ngành du lịch.

- PO2: Có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết về Tài nguyên, Môi trường; kiến thức toàn diện và chuyên sâu trong lĩnh vực Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành để đảm bảo phát triển bền vững;

- PO3: Có kỹ năng giao tiếp, làm việc độc lập và làm việc nhóm; có kỹ năng chuyên môn nghề nghiệp để đề xuất các giải pháp nhằm giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực du lịch và lữ hành.

- PO4: Có năng lực tự chủ và trách nhiệm trong việc thực hiện các nhiệm vụ cụ thể và phức tạp; có khả năng sáng tạo, thực hiện các nghiên cứu khoa học quy mô nhỏ để tạo ra tri thức, sản phẩm mới; có khả năng phát triển phẩm chất, kỹ năng và trách nhiệm nghề nghiệp để thích nghi với môi trường làm việc trong lĩnh vực chuyên môn; có ý thức phục vụ nhân dân và đóng góp vào sự phát triển bền vững.

### **1.3.3. Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo với sứ mạng, tầm nhìn của Trường**

<b>Mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo</b>	<b>Sứ mạng</b>	<b>Tầm nhìn</b>
PO1: Có kiến thức về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, công nghệ, chính trị, pháp luật, quốc phòng an ninh và khả năng tư duy về các vấn đề đương đại phù hợp với khối ngành du lịch.	x	
PO2: Có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết về Tài nguyên, Môi trường; kiến thức toàn diện và chuyên sâu trong lĩnh vực Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành để đảm bảo phát triển bền vững;	x	
PO3: Có kỹ năng giao tiếp, làm việc độc lập và làm việc nhóm; có kỹ năng chuyên môn nghề nghiệp để	x	x

<b>Mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo</b>	<b>Sứ mạng</b>	<b>Tầm nhìn</b>
đề xuất các giải pháp nhằm giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực du lịch và lữ hành.		
PO4: Có năng lực tự chủ và trách nhiệm trong việc thực hiện các nhiệm vụ cụ thể và phức tạp; có khả năng sáng tạo, thực hiện các nghiên cứu khoa học quy mô nhỏ để tạo ra tri thức, sản phẩm mới; có khả năng phát triển phẩm chất, kỹ năng và trách nhiệm nghề nghiệp để thích nghi với môi trường làm việc trong lĩnh vực chuyên môn; có ý thức phục vụ nhân dân và đóng góp vào sự phát triển bền vững.	X	X

#### **1.4. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và phương thức tuyển sinh**

##### **1.4.1 Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo**

Đáp ứng các điều kiện theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

##### **1.4.2 Phương thức tuyển sinh**

Theo đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

## PHẦN 2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 2.1. Nội dung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Ký hiệu CDR	Ký hiệu chỉ số đánh giá CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
<b>1. Chuẩn đầu ra về kiến thức</b>			
PLO1	Vận dụng các kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, công nghệ, chính trị, pháp luật và khả năng tư duy về các vấn đề đương đại trong tình hình thực tế ngành du lịch.		<b>3/6</b>
	PI1.1	Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên vào việc giải quyết các vấn đề của ngành	25%
	PI1.2	Vận dụng kiến thức khoa học xã hội vào việc giải quyết các vấn đề của ngành	25%
	PI1.3	Vận dụng kiến thức công nghệ vào việc giải quyết các vấn đề của ngành	25%
	PI1.4	Vận dụng kiến thức về chính trị, pháp luật và khả năng tư duy về các vấn đề đương đại trong tình hình thực tế của ngành	25%
PLO2	Phân tích các xu hướng phát triển ngành du lịch, nhu cầu của thị trường, nguồn lực của tổ chức.		<b>4/6</b>
	PI2.1	Phân tích các xu hướng phát triển ngành du lịch, nhu cầu của thị trường	50%
	PI2.2	Phân tích nguồn lực của tổ chức	50%
PLO3	Áp dụng các kiến thức nền tảng và chuyên sâu về vận hành tác nghiệp cung ứng dịch vụ du lịch và lữ hành.		<b>3/6</b>
	PI3.1	Áp dụng các kiến thức nền tảng về vận hành tác nghiệp cung ứng dịch vụ du lịch và lữ hành.	50%
	PI3.2	Áp dụng các kiến thức chuyên sâu về vận hành tác nghiệp cung ứng dịch vụ du lịch và lữ hành.	50%
PLO4	Phân tích các kiến thức về tổ chức, quản lý các hoạt động ngành du lịch, các loại hình du lịch cũng như các dịch vụ du lịch; các hoạt động trong doanh nghiệp, tổ chức du lịch và lữ hành.		<b>4/6</b>
	PI4.1	Phân tích các kiến thức về tổ chức, quản lý các hoạt động ngành du lịch, các loại hình du lịch cũng như các dịch vụ du lịch khác.	50%

<b>Ký hiệu CDR</b>	<b>Ký hiệu chỉ số đánh giá CDR</b>	<b>Nội dung chuẩn đầu ra</b>	<b>Mức độ</b>
	PI4.2	Phân tích các kiến thức về tổ chức, quản lý các hoạt động trong doanh nghiệp, tổ chức du lịch và lữ hành.	50%
<b>2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng</b>			
PLO5	Kết hợp kỹ năng giao tiếp bằng các phương thức khác nhau một cách hiệu quả		<b>4/5</b>
	PI5.1	Giao tiếp bằng lời nói, văn bản, đa phương tiện	60%
	PI5.2	Ứng xử với cá nhân, tổ chức liên quan trong môi trường đa dạng.	40%
PLO6	Kết hợp làm việc độc lập, làm việc nhóm một cách hiệu quả		<b>4/5</b>
	PI6.1	Thể hiện kỹ năng làm việc độc lập một cách hiệu quả	35%
	PI6.2	Kết hợp làm việc nhóm một cách hiệu quả	35%
	PI6.3	Lập kế hoạch làm việc nhóm một cách khoa học	30%
PLO7	Kết hợp các kỹ năng nghề nghiệp để hình thành ý tưởng, xây dựng các chương trình, kế hoạch và đưa ra các quyết định hành động trong các doanh nghiệp, tổ chức du lịch và lữ hành		<b>4/5</b>
	PI7.1	Kết hợp các kỹ năng nghề nghiệp để hình thành ý tưởng, xây dựng các chương trình, kế hoạch	50%
	PI7.2	Kết hợp các kỹ năng nghề nghiệp để đưa ra các quyết định hành động trong các doanh nghiệp, tổ chức du lịch và lữ hành	50%
PLO8	Thể hiện được kỹ năng phản biện, phê phán và đề xuất các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi		<b>3/5</b>
	PI8.1	Đánh giá tình trạng vấn đề và các nguồn lực hiện có	30%
	PI8.2	Thể hiện được kỹ năng phản biện, phê phán	30%
	PI8.3	Đề xuất các giải pháp một cách hợp lý và sáng tạo nhằm giảm thiểu rủi ro	40%
<b>3. Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>			
PLO9	Tuân thủ pháp luật và nội quy của tổ chức, đảm bảo các chuẩn mực đạo đức và có ý thức trách nhiệm xã hội		<b>3/5</b>
	PI9.1	Thực hiện theo các quy định của pháp luật và nội quy của tổ chức nơi đang học tập, làm việc	60%

Ký hiệu CDR	Ký hiệu chỉ số đánh giá CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Mức độ
	PI9.2	Có đạo đức, ý thức trách nhiệm trong công việc và đối với cộng đồng	40%
PLO10	Thích ứng với sự đa dạng của bối cảnh nghề nghiệp, định hướng tương lai, chủ động học tập suốt đời và có động cơ khởi nghiệp rõ ràng		<b>4/5</b>
	PI10.1	Nhận diện năng lực bản thân trong biến động của bối cảnh nghề nghiệp, định hướng tương lai	40%
	PI10.2	Chủ động cập nhật kiến thức, trau dồi kỹ năng nhằm đáp ứng các yêu cầu công việc	40%
	PI10.3	Hình thành các ý tưởng khởi nghiệp phù hợp với năng lực bản thân	20%

*Ghi chú: Điểm mức độ yêu cầu theo thang năng lực Bloom: Kiến thức (1-6), Dave: kỹ năng (1-5), Krathwohl: Đạo đức và trách nhiệm (1-5).*

## 2.2. Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra của CTĐT		Mục tiêu của CTĐT			
		PO1	PO2	PO3	PO4
<b>Kiến thức</b>	PLO1	x			
	PLO2		x		
	PLO3		x		
	PLO4		x		
<b>Kỹ năng</b>	PLO5			x	
	PLO6			x	
	PLO7			x	
	PLO8			x	
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>	PLO9				x
	PLO10				x

## 2.3. Vị trí việc làm mà sinh viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

- Quản lý, giám sát, điều hành, tổ trưởng trong các bộ phận tác nghiệp và chức năng tại các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành, khu du lịch sinh thái, khu nghỉ dưỡng, vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, các cơ sở kinh doanh phục vụ khách du lịch khác.



- Hướng dẫn viên, thiết kế chương trình du lịch, điều hành chương trình du lịch, nhân viên kinh doanh, nhân viên tổ chức sự kiện – hội nghị, nhân viên tư vấn, chăm sóc khách hàng... tại các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành, khu du lịch sinh thái, khu nghỉ dưỡng, vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, khu di tích lịch sử, các cơ sở kinh doanh phục vụ khách du lịch khác.

- Chuyên viên tại các bộ phận quản lý về du lịch và khách sạn ở các cơ quan quản lý nhà nước trực thuộc các Sở Văn hóa, thể thao và du lịch tại các địa phương. Chuyên viên trong các tổ chức phi chính phủ về dự án trong mảng du lịch cộng đồng. Tư vấn viên tại các tổ chức tư vấn trong nước và quốc tế về du lịch và khách sạn.

- Trợ giảng trong các trường Đại học, Cao đẳng đào tạo liên quan đến ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

- Tự thành lập và điều hành các công ty dịch vụ du lịch và lữ hành.

#### **2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng tự học tập nâng cao trình độ; nghiên cứu chuyên sâu và tiếp tục học tập ở các chương trình đào tạo bậc cao hơn tương ứng với các ngành gần, ngành phù hợp theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như của các cơ sở giáo dục đại học.

### PHẦN 3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 3.1. Tóm tắt yêu cầu của chương trình đào tạo

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Số tín chỉ bắt buộc	Số tín chỉ tự chọn
1	Kiến thức giáo dục đại cương	34	30	4
2	Kiến thức cơ sở ngành	15	9	6
3	Kiến thức ngành	45	30	15
4	Kiến thức chuyên ngành	18	0	18
5	Khóa luận tốt nghiệp	10	10	0
	<b>Tổng</b>	<b>122</b>	<b>79</b>	<b>43</b>

Ghi chú: Chương trình trên chưa bao gồm các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh.

#### 3.2. Ma trận đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT và các khối kiến thức

KHỐI KIẾN THỨC	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT									
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
Kiến thức giáo dục đại cương	3	-	-	-	1	1	1	1	2	1
Kiến thức cơ sở ngành	-	2	1	1	1	1	2	2	1	1
Kiến thức ngành	-	2	3	2	2	2	3	3	1	2
Kiến thức chuyên ngành	-	2	2	3	2	2	3	3	1	3
Khóa luận tốt nghiệp	-	3	2	2	2	2	2	3	3	2

Mức đóng góp: nhiều (3); trung bình (2); ít (1); không (-)

### 3.3. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
<b>I</b>	<b>KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>		<b>34</b>	<b>580</b>	<b>100</b>	<b>1260</b>	
<b>1.1</b>	<b>Các học phần chung</b>		<b>21</b>	<b>280</b>	<b>70</b>	<b>630</b>	
1	LCML101	Triết học Mác – Lênin	3	45	0	90	
2	LCML102	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	30	0	60	
3	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0	60	
4	LCTT101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	60	
5	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	0	60	
6	LCPL101	Pháp luật đại cương	2	30	0	60	
7	CTKU101	Tin học đại cương	2	15	30	60	
8	NNTA164	Ngoại ngữ 1	3	35	20	90	
9	NNTA165	Ngoại ngữ 2	3	35	20	90	
		<i>Giáo dục thể chất</i>	4	-	-	-	
		<i>Giáo dục quốc phòng an ninh</i>	9	-	-	-	
		<i>Kỹ năng bổ trợ</i>	3	-	-	-	
<b>1.2</b>	<b>Các học phần của Trường (chọn 2/6 TC)</b>		<b>2</b>	<b>90</b>	<b>0</b>	<b>180</b>	
10	MTQM102	Môi trường và phát triển	2	30	0	60	
11	MTQM104	Tăng trưởng xanh và bền vững	2	30	0	60	
12	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	2	30	0	60	
<b>1.3</b>	<b>Các học phần của lĩnh vực</b>		<b>11</b>	<b>210</b>	<b>30</b>	<b>450</b>	
<b>1.3.1</b>	<b>Bắt buộc</b>		<b>9</b>	<b>120</b>	<b>0</b>	<b>270</b>	
13	KTKH101	Kinh tế vi mô	3	45	0	90	
14	KTKH102	Kinh tế vĩ mô	3	45	0	90	KTKH101
15	KTKT108	Thị trường chứng khoán	3	30	30	90	
<b>1.3.2</b>	<b>Tự chọn (chọn 2 TC/6 TC)</b>		<b>2</b>	<b>90</b>	<b>0</b>	<b>180</b>	
16	KTKH144	Toán kinh doanh	2	30	0	60	
17	KTKH145	Toán tài chính	2	30	0	60	
18	KTKH133	Thống kê doanh nghiệp	2	30	0	60	
<b>II</b>	<b>KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>		<b>88</b>	<b>1230</b>	<b>990</b>	<b>3450</b>	
<b>2.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>		<b>15</b>	<b>285</b>	<b>60</b>	<b>630</b>	
<b>2.1.1</b>	<b>Bắt buộc</b>		<b>9</b>	<b>120</b>	<b>30</b>	<b>270</b>	
19	KTDL101	Tổng quan du lịch*	3	45	0	90	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
20	KTKD105	Quản trị học	3	45	0	90	
21	KTDL102	Điểm đến du lịch	3	30	30	90	KTDL101
<b>2.1.2</b>	<b>Tự chọn (chọn 6 TC/tối thiểu 12 TC)</b>		<b>6</b>	<b>165</b>	<b>30</b>	<b>360</b>	
22	KTDL119	Văn hóa ẩm thực*	3	30	30	90	
23	KTKE101	Nguyên lý kế toán	3	45	0	90	
24	KTDL191	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	3	45	0	90	
25	KTDL120	Kinh tế du lịch	3	45	0	90	
<b>2.2</b>	<b>Kiến thức ngành</b>		<b>45</b>	<b>540</b>	<b>540</b>	<b>1620</b>	
<b>2.2.1</b>	<b>Bắt buộc</b>		<b>30</b>	<b>180</b>	<b>540</b>	<b>900</b>	
26	KTDL104	Tiếng Anh chuyên ngành	3	45	0	90	
27	KTDL187	Thực tập Tuyển điểm	4	0	120	120	
28	KTDL188	Thực tập Khách sạn- nhà hàng	4	0	120	120	
29	KTDL189	Thực tập nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	5	0	150	150	
30	KTDL190	Thực tập nghiệp vụ điều hành	5	0	150	150	
31	KTDL109	Quản trị điểm đến du lịch	2	30	0	60	
32	KTDL105	Quản trị doanh nghiệp du lịch	3	45	0	90	
33	KTDL107	Quản trị chất lượng du lịch	2	30	0	60	
34	KTDL111	Quản lý nhà nước về du lịch	2	30	0	60	
<b>2.2.2</b>	<b>Tự chọn (chọn 15 TC/ 24 TC)</b>		<b>15</b>	<b>360</b>	<b>0</b>	<b>720</b>	
35	KTDL118	Quản trị xuất nhập cảnh và lưu trú	3	45	0	90	
36	KTDL117	Tâm lý khách hàng du lịch*	3	45	0	90	
37	KTDL169	Quản trị lễ tân	3	45	0	90	
38	KTDL106	Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành	3	45	0	90	
39	KTKD195	Quản trị nguồn nhân lực du lịch	3	45	0	90	KTKD105
40	KTDL121	Quản lý đại lý lữ hành	3	45	0	90	
41	KTDL122	Phong tục tập quán lễ hội Việt Nam	3	45	0	90	
42	KTKD186	Khởi sự kinh doanh	3	45	0	90	
<b>2.3</b>	<b>Kiến thức chuyên ngành (chọn 18 TC/ tối thiểu 30 TC)</b>		<b>18</b>	<b>390</b>	<b>120</b>	<b>900</b>	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
43	KTDL123	Hướng dẫn du lịch	3	30	30	90	
44	KTDL124	Du lịch sinh thái	3	30	30	90	
45	KTDL125	Du lịch văn hóa Việt Nam	3	30	30	90	
46	KTDL126	Quản trị sự kiện	3	45	0	90	
47	KTDL127	Thiết kế và Quản lý điều hành chương trình du lịch	3	45	0	90	
48	KTDL128	Quản trị kinh doanh khách sạn	3	30	30	90	
49	KTPT165	Marketing du lịch	3	45	0	90	
50	KTDL129	Du lịch bền vững	3	45	0	90	
51	KTDL130	Du lịch MICE	3	45	0	90	
52	KTDL135	Tài nguyên và kinh doanh du lịch	3	45	0	90	
<b>2.4</b>	<b>Khóa luận tốt nghiệp</b>		<b>10</b>	0	300	300	
53	KTDL171	Khóa luận tốt nghiệp	10	0	300	300	
		<b>TỔNG</b>	<b>122</b>	<b>1795</b>	<b>1120</b>	<b>4710</b>	





STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kì	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT																									Tổng
					Kiến thức										Kỹ năng										Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm					
					PLO1				PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6			PLO7		PLO8			PLO9		PLO10			
					PI 1.1	PI 1.2	PI 1.3	PI 1.4	PI 2.1	PI 2.2	PI 3.1	PI 3.2	PI 4.1	PI 4.2	PI 5.1	PI 5.2	PI 6.1	PI 6.2	PI 6.3	PI 7.1	PI 7.2	PI 8.1	PI 8.2	PI 8.3	PI 9.1	PI 9.2	PI 10.1	PI 10.2	PI 10.3	
<b>2.2.1</b>	<b>Bắt buộc</b>		<b>30</b>																											
26	KTDL104	Tiếng Anh chuyên ngành	3	6	-	-	-	-	-	-	3	3	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	2	-	-	3	3	6		
27	KTDL187	Thực tập Tuyển điểm	4	4	-	-	-	-	-	-	3	3	-	-	-	-	3	-	-	3	-	3	-	-	2	-	-	2	7	
28	KTDL188	Thực tập Khách sạn- nhà hàng	4	5	-	-	-	-	-	-	3	3	-	-	-	-	3	-	-	3	-	3	-	-	2	-	-	2	7	
29	KTDL189	Thực tập nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	5	6	-	-	-	-	-	-	3	3	-	-	-	-	3	-	-	3	-	3	-	-	2	-	-	2	7	
30	KTDL190	Thực tập nghiệp vụ điều hành	5	7	-	-	-	-	-	-	3	3	-	-	-	-	3	-	-	3	-	3	-	-	2	-	-	2	7	
31	KTDL109	Quản trị điểm đến du lịch	2	4	-	-	-	-	-	-	2	2	-	-	-	-	3	-	-	-	3	3		2	-	-	-	6		
32	KTDL105	Quản trị doanh nghiệp du lịch	3	5	-	-	-	-	-	-	-	-	2	3	-	-	3	3	-	-	-	3	2	2	2	-	-	-	8	
33	KTDL107	Quản trị chất lượng du lịch	2	5	-	-	-	-	-	-	-	-	2	3	-	-	3	3	-	-	-	3	2	2	2	-	-	-	8	
34	KTDL111	Quản lý nhà nước về du lịch	2	3	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	2	2	2	2	-	-	-	6		
<b>2.2.2</b>	<b>Tự chọn (chọn 15 TC/tối thiểu 24 TC)</b>		<b>15</b>																											
35	KTDL118	Quản trị xuất nhập cảnh và lưu trú	3	6	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	3	3	-	3	3	-	-	2	-	-	-	6		
36	KTDL117	Tâm lý khách hàng du lịch*	3	4	-	-	-	-	-	-	3	3	-	-	-	-	3	-	-	-	-	2	-	2	-	2	-	6		
37	KTDL169	Quản trị lễ tân	3	6	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	3	3	-	3	3	-	-		2	-	-	6		
38	KTDL106	Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành	3	4	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	3	3	-	3	3	-	-	2	-	-	-	6		
39	KTKD195	Quản trị nguồn nhân lực du lịch	3	6	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	2	2	2	-	-	-	-	2	2	-	-	6		
40	KTDL121	Quản lý đại lý lữ hành	3	4	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	3	3	-	3	3	-	-	-	2	-	-	6		



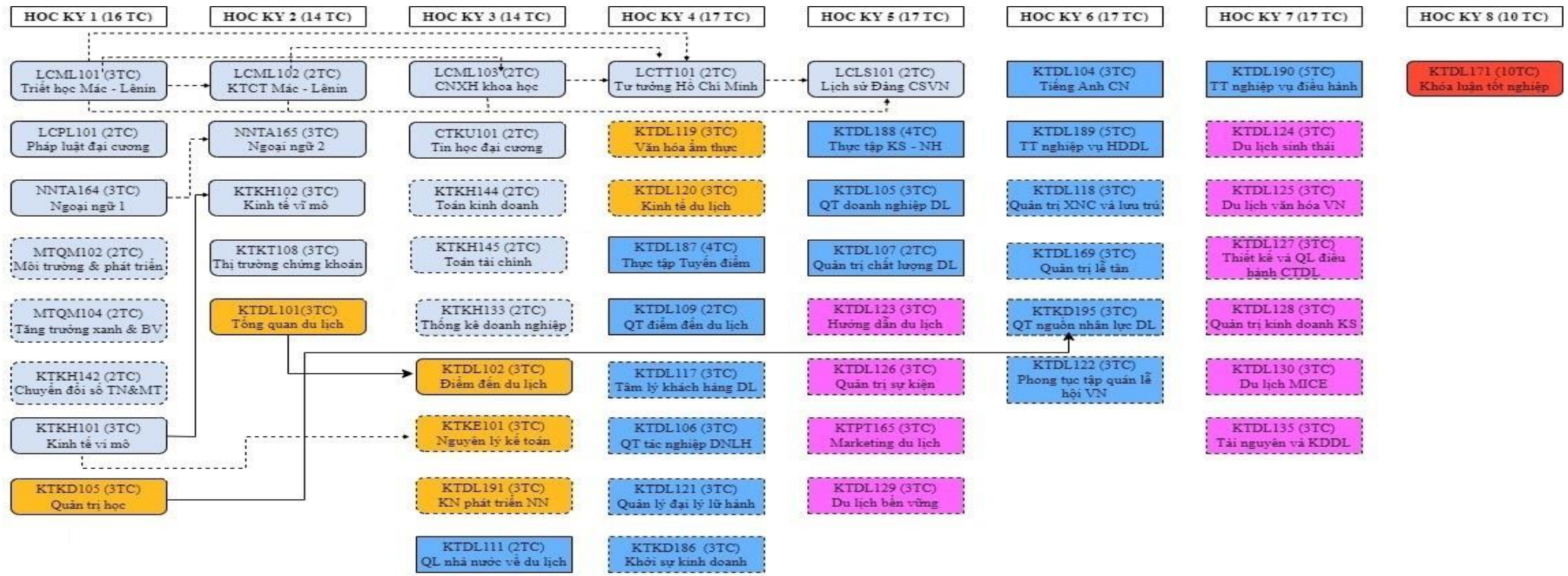
STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kì	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT																									Tổng	
					Kiến thức										Kỹ năng										Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm						
					PLO1				PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6			PLO7		PLO8			PLO9		PLO10				
					PI 1.1	PI 1.2	PI 1.3	PI 1.4	PI 2.1	PI 2.2	PI 3.1	PI 3.2	PI 4.1	PI 4.2	PI 5.1	PI 5.2	PI 6.1	PI 6.2	PI 6.3	PI 7.1	PI 7.2	PI 8.1	PI 8.2	PI 8.3	PI 9.1	PI 9.2	PI 10.1	PI 10.2	PI 10.3		
41	KTDL122	Phong tục tập quán lễ hội Việt Nam	3	6	-	-	-	-	-	-	3	3	-	-	-	-	-	-	3	-	3	3	-	-	-	-	2	-	-	-	6
42	KTKD186	Khởi sự kinh doanh	3	4	-	-	-	-	2	2	-	-	2	2	-	-	-	-	-	-	2	2	-	-	-	-	-	-	3	3	8
<b>2.3</b>	<b>Kiến thức chuyên ngành (chọn 18 TC/ tối thiểu 30 TC)</b>		<b>18</b>																												
43	KTDL123	Hướng dẫn du lịch	3	5	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	3	3	3	3	3	-	-	-	2	-	-	-	-	-	7	
44	KTDL124	Du lịch sinh thái	3	7	-	-	-	-	-	-	3	3	-	-	-	-	3	-	-	-	-	3	3	-	2	-	-	-	-	6	
45	KTDL125	Du lịch văn hóa Việt Nam	3	7	-	-	-	-	-	-	3	3	-	-	-	-	3	-	-	-	-	3	3	-	2	-	-	-	-	6	
46	KTDL126	Quản trị sự kiện	3	5	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	3	3	-	3	3	-	-	-	-	2	-	-	-	-	6	
47	KTDL127	Thiết kế và Quản lý điều hành chương trình du lịch	3	7	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	3	3	3	3	3	-	-	-	-	2	-	-	-	-	7	
48	KTDL128	Quản trị kinh doanh khách sạn	3	7	-	-	-	-	-	-	2	2	-	-	-	-	2	-	2	2	-	-	-	-	-	2	-	-	-	6	
49	KTPT165	Marketing du lịch	3	5	-	-	-	-	-	-	2	2	-	-	2	2	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	2	6		
50	KTDL129	Du lịch bền vững	3	5	-	-	-	-	-	-	3	3	-	-	-	-	3	-	3	-	3	-	-	-	2	-	-	-	-	6	
51	KTDL130	Du lịch MICE	3	7	-	-	-	-	-	-	3	3	-	-	-	-	3	-	3	-	3	-	-	-	2	-	-	-	-	6	
52	KTDL135	Tài nguyên và kinh doanh du lịch	3	7	2	-	-	-	2	-	-	-	2	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	5	
<b>2.4</b>	<b>Khóa luận tốt nghiệp</b>		<b>10</b>																												
53	KTDL171	Khóa luận tốt nghiệp	10	8	-	-	-	-	2	3	2	2	2	2	2	-	2	2	-	2	2	-	3	3	3	-	2	2	-	16	
		<b>TỔNG</b>	<b>122</b>		8	6	6	7	6	6	19	19	7	11	6	6	28	27	10	20	11	16	10	7	29	24	7	8	8		

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kì	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT																							Tổng		
					Kiến thức								Kỹ năng								Năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm									
					PLO1				PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6			PLO7		PLO8			PLO9		PLO10			
					PI 1.1	PI 1.2	PI 1.3	PI 1.4	PI 2.1	PI 2.2	PI 3.1	PI 3.2	PI 4.1	PI 4.2	PI 5.1	PI 5.2	PI 6.1	PI 6.2	PI 6.3	PI 7.1	PI 7.2	PI 8.1	PI 8.2	PI 8.3	PI 9.1	PI 9.2	PI 10.1		PI 10.2	PI 10.3
<b>Trong đó<sup>1</sup>:</b> Các học phần có mức đóng góp nhiều (mức 3)					0	0	0	1	0	1	11	12	2	9	0	0	15	16	2	15	8	14	4	1	2	0	0	2	2	
Các học phần có mức đóng góp trung bình (mức 2)					5	6	4	5	6	4	8	7	5	2	6	6	11	10	7	4	3	2	6	5	27	24	7	6	6	
Các học phần có mức đóng góp ít (mức 1)					3	0	2	1	0	1	0	0	0	0	0	0	2	1	1	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	

Mức đóng góp: nhiều (3); trung bình (2); ít (1); không (-).

<sup>1</sup> Các học phần có mức đóng góp ở cả 3 mức cộng lại bằng dòng tổng ở trên.

### 3.5. Sơ đồ chương trình dạy học



**KY HIEU QUY UOC**

	Bắt buộc	Tự chọn
Học phần đại cương		
Học phần cơ sở ngành		
Học phần kiến thức ngành		
Học phần kiến thức chuyên ngành		
Khóa luận tốt nghiệp		
Môn học trước		
Môn học tiên quyết		
Môn học song hành		

### **3.6. Mô tả nội dung theo các khối kiến thức**

#### ***1. Kiến thức giáo dục đại cương (34 TC)***

Kiến thức giáo dục đại cương trang bị cho người học kiến thức cơ bản để giúp người học phát triển bản thân, hình thành các kỹ năng, sẵn sàng tiếp cận phần giáo dục chuyên nghiệp trong lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Khối kiến thức giáo dục đại cương gồm (1) các học phần chung như lý luận chính trị, pháp luật đại cương, ngoại ngữ, (2) các học phần của trường như môi trường và phát triển, tăng trưởng xanh và bền vững, chuyển đổi số tài nguyên và môi trường, (3) các học phần của lĩnh vực như kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, thị trường chứng khoán; học phần tự chọn của lĩnh vực bao gồm toán kinh doanh, toán tài chính, thống kê doanh nghiệp. Ngoài ra còn có giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh, kỹ năng bổ trợ theo quy định chung.

#### ***2. Kiến thức cơ sở ngành (15 TC)***

Kiến thức cơ sở ngành trang bị cho người học các kiến thức cơ sở, giúp người học có kiến thức cơ sở làm nền tảng tiếp cận các kiến thức ngành. Kiến thức cơ sở ngành gồm các học phần bắt buộc như tổng quan du lịch, quản trị học, điểm đến du lịch. Học phần tự chọn của kiến thức cơ sở ngành bao gồm văn hóa ẩm thực, nguyên lý kế toán, kỹ năng phát triển nghề nghiệp và kinh tế du lịch.

#### ***3. Kiến thức ngành (45 TC)***

Khối kiến thức ngành bao gồm 45 tín chỉ, trong đó 30 tín chỉ bắt buộc, 15 tín chỉ tự chọn. Kiến thức ngành trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm để đáp ứng mục tiêu phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Kiến thức ngành gồm các học phần bắt buộc: Tiếng Anh chuyên ngành, thực tập tuyển điểm, thực tập khách sạn – nhà hàng, thực tập nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, thực tập nghiệp vụ điều hành, quản trị điểm đến du lịch, quản trị doanh nghiệp du lịch, quản trị chất lượng du lịch, quản lý nhà nước về du lịch. Các học phần tự chọn bao gồm quản trị xuất nhập cảnh và lưu trú, tâm lý khách hàng du lịch, quản trị lễ tân, quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành, quản trị nguồn nhân lực du lịch, quản lý đại lý lữ hành, phong tục tập quán lễ hội Việt Nam, khởi sự kinh doanh.

#### ***4. Kiến thức chuyên ngành (18 TC)***

Khối kiến thức chuyên ngành bao gồm 18 tín chỉ tự chọn trong số 30 tín chỉ. Đây là khối kiến thức trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu của ngành. Người học áp dụng được các kiến thức ngành, chuyên ngành, hình thành các kỹ năng chuyên sâu về Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Các học phần của khối kiến thức này gồm: Hướng dẫn du lịch, Du lịch sinh thái, Du lịch văn hóa Việt Nam, Quản trị sự kiện, Thiết kế và Quản lý điều hành chương trình du lịch, Quản trị kinh doanh khách sạn, Marketing du lịch, Du lịch bền vững, Du lịch MICE, Tài nguyên và kinh doanh du lịch.

#### ***5. Kiến thức khóa luận tốt nghiệp (10 TC)***

Khóa luận tốt nghiệp, giúp người học tổng hợp kiến thức, vận dụng kiến thức, phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề về quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Khóa luận tốt nghiệp giúp sinh viên tổng hợp, vận dụng kiến thức đã học và những kiến thức thực tế trong các lĩnh vực Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành để thực tập tại cơ sở thực tập và nghiên cứu một đề tài và viết báo cáo kết quả nghiên cứu của đề tài đó theo đề cương nghiên cứu và đạt được những mục tiêu đã đặt ra đối với đề tài.

### **3.7. Phương pháp giảng dạy**

Phương pháp giảng dạy trong chương trình đào tạo được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo nhằm thúc đẩy người học phát huy chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần và cả chương trình đào tạo.

Phương pháp giảng dạy từng học phần được thể hiện cụ thể trong đề cương chi tiết, bao gồm chủ yếu các phương pháp sau:

- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp diễn giải
- Phương pháp phát vấn
- Phương pháp tự học có hướng dẫn
- Phương pháp chuyên gia
- Phương pháp giảng dạy trực quan
- Phương pháp làm việc theo nhóm
- Phương pháp trải nghiệm tại môi trường làm việc thực tế...

### **3.8. Phương pháp đánh giá kết quả học tập**

Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết; làm cơ sở để kịp thời điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập, thúc đẩy nỗ lực và hỗ trợ tiến bộ của người học, cải tiến chương trình đào tạo và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

- Phương pháp đánh giá quá trình: Thảo luận trên lớp; Bài tập về nhà, Bài tập thảo luận nhóm; Bài kiểm tra điều kiện...

- Phương pháp đánh giá thi kết thúc học phần: Bài tập lớn; Viết báo cáo; Trắc nghiệm; Vấn đáp; Bài tự luận...

- Đánh giá quá trình và đánh giá kết thúc học phần, khóa luận tốt nghiệp dựa trên các rubrics, ma trận đề thi đảm bảo độ tin cậy, độ chính xác và công bằng, đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra, làm rõ mức độ đạt được của người học theo các cấp độ tư duy quy định trong chuẩn đầu ra của mỗi học phần và chương trình đào tạo.

- Từng học phần được đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang

thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo hiện hành.

### **3.9. Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ**

Số lượng, trình độ, tiêu chuẩn, năng lực của đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ đáp ứng quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Luật Giáo dục đại học, quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường để tổ chức giảng dạy và hỗ trợ người học nhằm đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

### **3.10. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu**

Hệ thống cơ sở vật chất hiện tại bao gồm cơ sở hạ tầng, trang thiết bị thực hành, thí nghiệm, công nghệ thông tin, thư viện, học liệu, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo đáp ứng nhu cầu phục vụ đào tạo và nghiên cứu của Trường. Những nội dung này được thể hiện chi tiết trong đề án mở ngành, xây dựng và ban hành chương trình đào tạo, đề án tuyển sinh đại học hàng năm, trong báo cáo Ba công khai của Trường... được thường xuyên cập nhật trong báo cáo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Trường.

### **3.11. Hướng dẫn thực hiện chương trình**

Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 04 năm. Mỗi năm có 02 học kỳ chính, tổ chức đào tạo theo tín chỉ.

Căn cứ kế hoạch đào tạo chuẩn, Trường đăng ký mặc định thời khóa biểu từng học kỳ chính cho sinh viên. Trừ học kỳ đầu tiên, các học kỳ tiếp theo sinh viên được đăng ký số tín chỉ/học phần tăng lên hoặc giảm đi theo quy định.

Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.

Khối lượng kiến thức, phương pháp dạy và học, cách đánh giá học phần, nội dung cần đạt được của từng học phần được mô tả, quy định trong đề cương chi tiết học phần.

### **3.12. Chương trình trong và ngoài nước đã tham khảo để xây dựng chương trình**

- Các chương trình đào tạo Đại học Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành trong nước bao gồm các trường có truyền thống đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành như:

- + Đại học Đại học Thương Mại
- + Đại học Kinh tế quốc dân
- + Đại học Khoa học xã hội và nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội
- + Đại học Hà Nội
- + Đại học Huế

- Các chương trình đào tạo Đại học Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành ngoài nước bao gồm các trường có nhiều đặc điểm tương đồng với Việt Nam trong công tác Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành như:

- + London Metropolitan University (Vương quốc Anh)
- + Martin University (Úc)
- + Bucks New University (Vương quốc Anh)

*Hà Nội, ngày 09 tháng 09 năm 2024*

**TL. HIỆU TRƯỞNG**  
**KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO**  
**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

**TRƯỞNG KHOA**



**Phạm Thị Hồng Phương**

**PGS TS. Nguyễn Hoàn**